CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bao bì và In Nông nghiệp

Ngày 30/06/2025	58,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	49.9%	**55.2%**	**60.6%**

DT thuần
Q2/25
393
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.0| 5.3%
YoY: ▲ 17.0| 4.5%

LN thuần
Q2/25
35.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.90| 12.3%
YoY: ▲ 2.30| 6.9%

LN sau thuế
Q2/25
30.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.00| 15.1%
YoY: ▲ 4.10| 15.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
9.1%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE (TTM)
Q2/25
16.8%
YoY: +/-▲ 0.5%

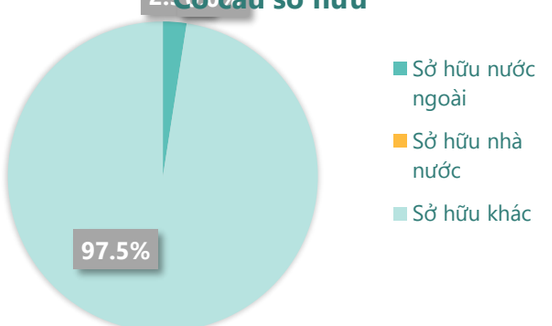
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	34,226 - 41,965
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,050
Số lượng CPLH (CP)	17,956,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,580
Sở hữu nước ngoài	2.5%
Beta	0.38
EPS	6,714
P/E	8.7

DT thuần
6T 2025
766
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.0| 2.4%

LN thuần
6T 2025
66.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.60| 5.8%

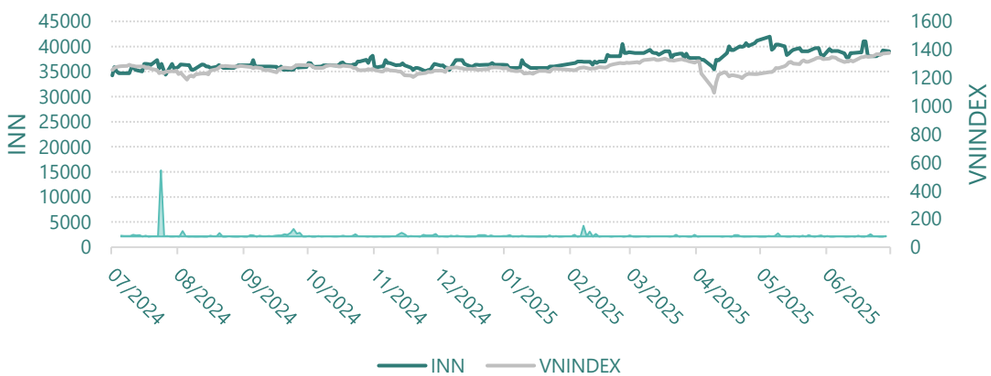
LN sau thuế
6T 2025
57.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.60| 13.0%

Cơ cấu sở hữu

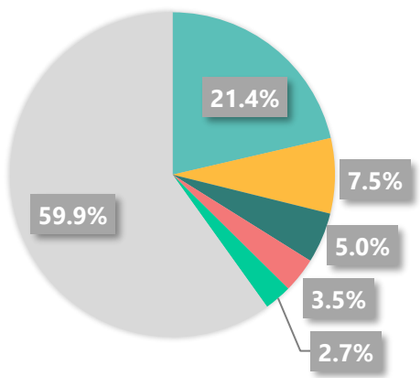


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

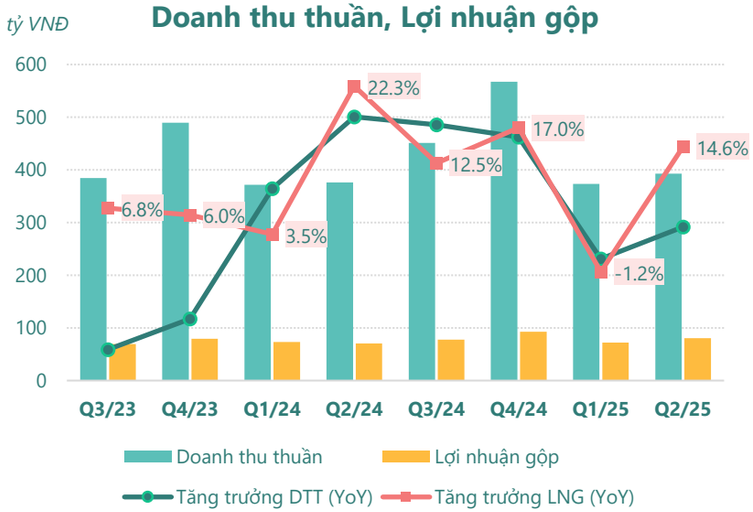


- Nguyễn Thành Nam (Chủ tịch HĐQT)
- Bùi Thành Đạt
- Lê Xuân Lương
- Nguyễn Thành Thái (Phó Tổng giám đốc)
- Vũ Hồng Tuyến
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

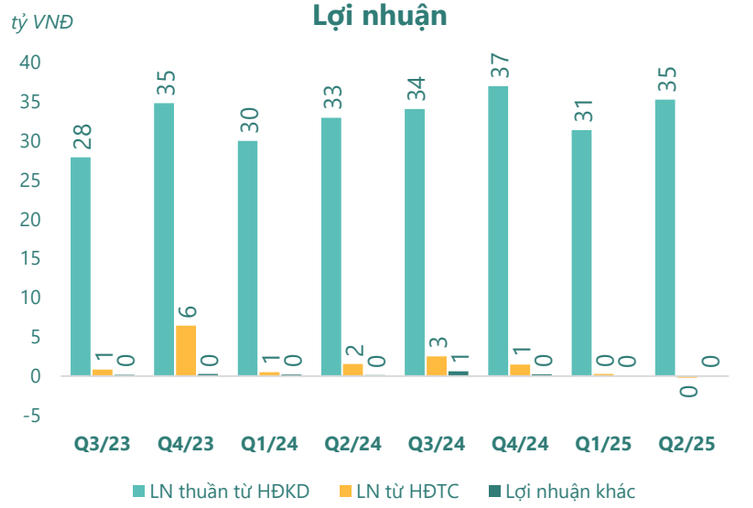
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



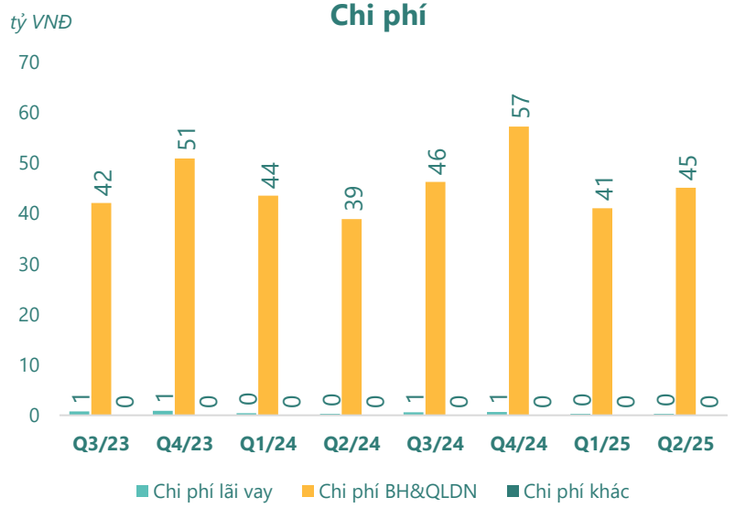
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



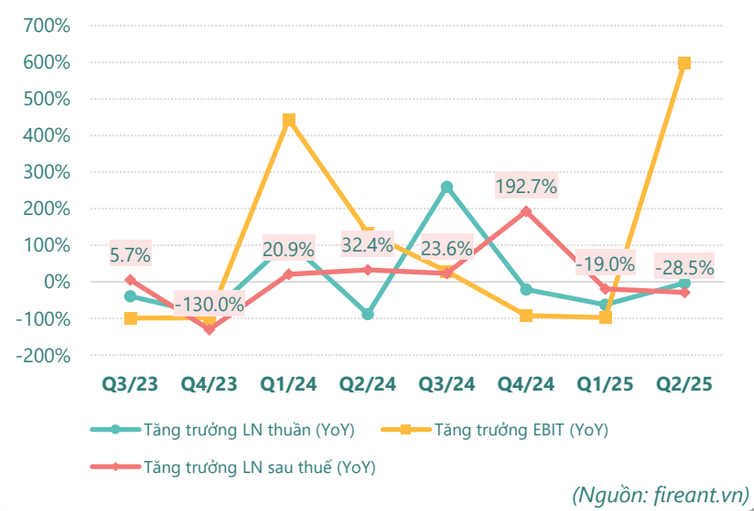
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



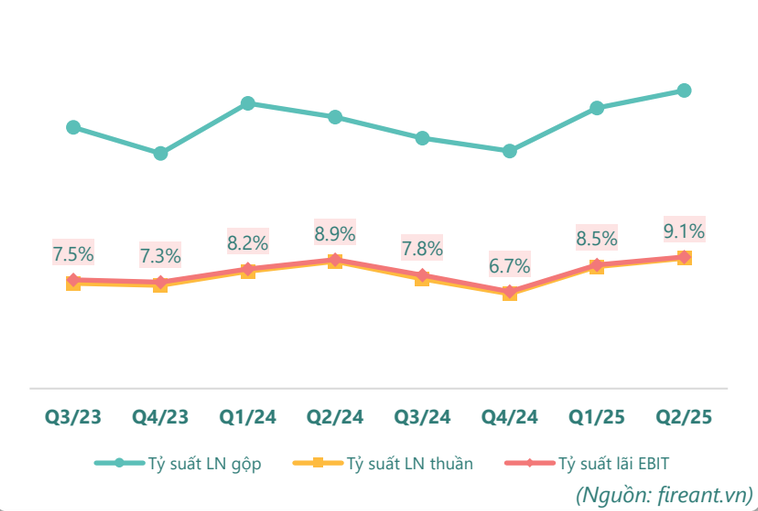
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



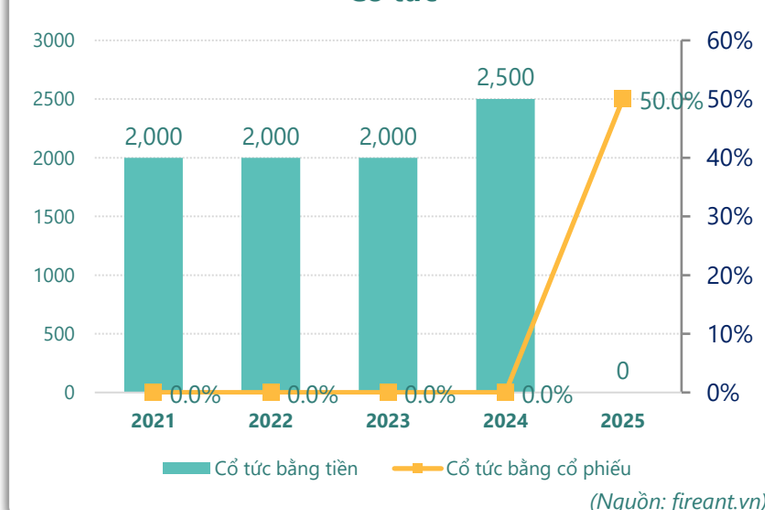
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

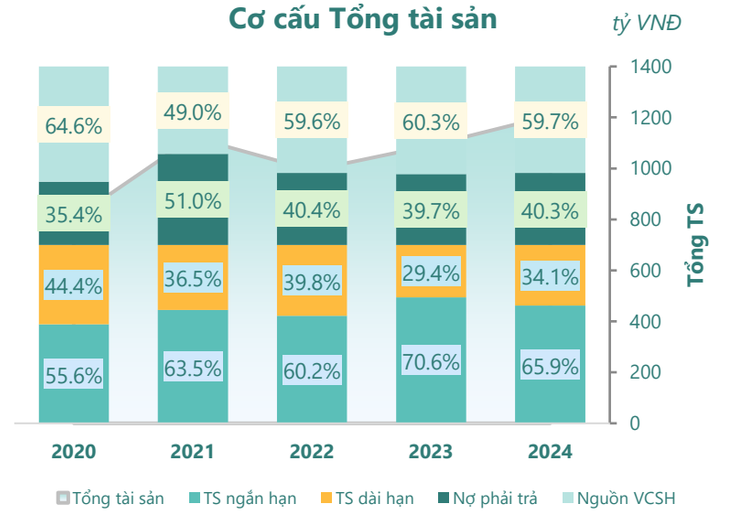
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

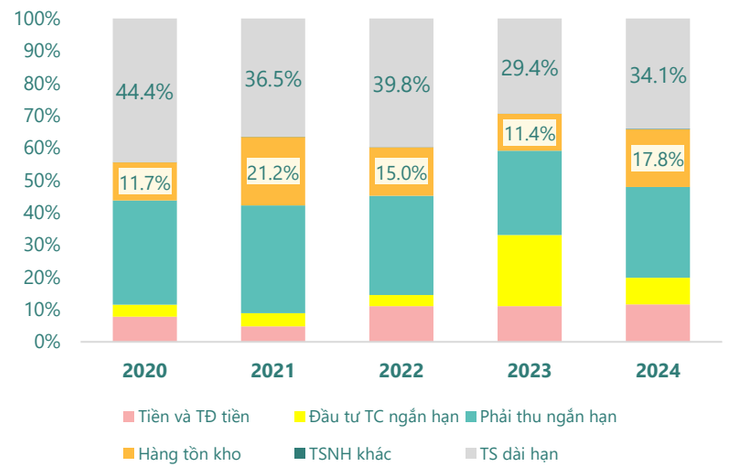
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



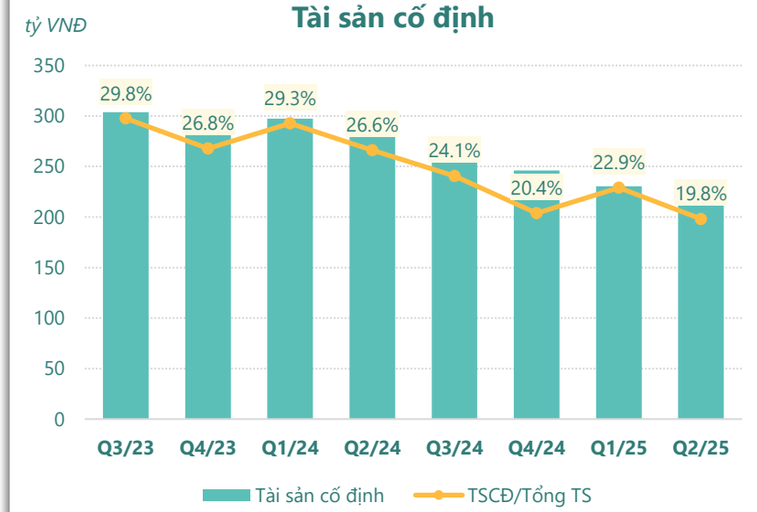
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



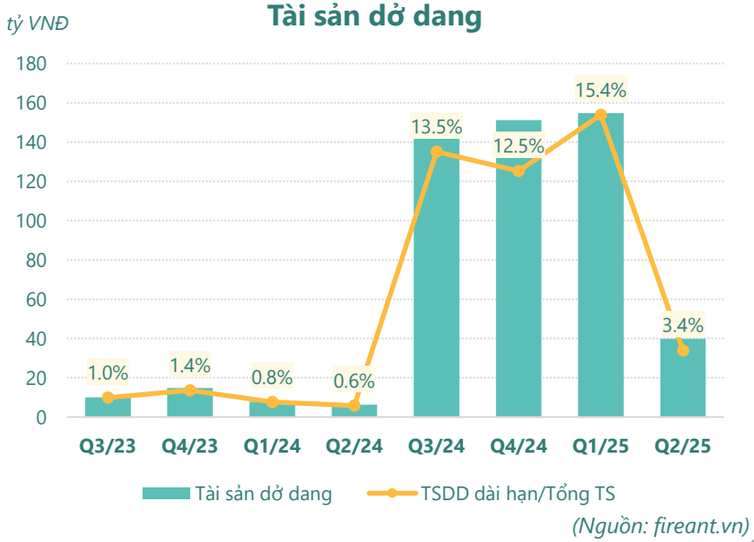
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



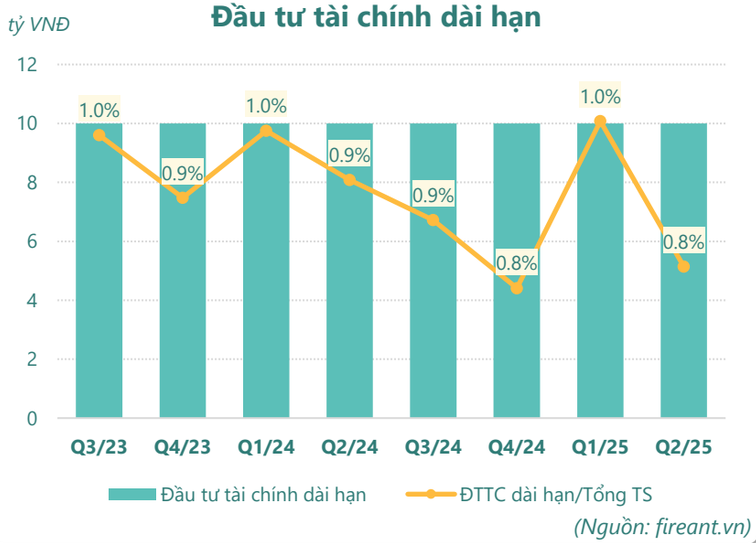
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



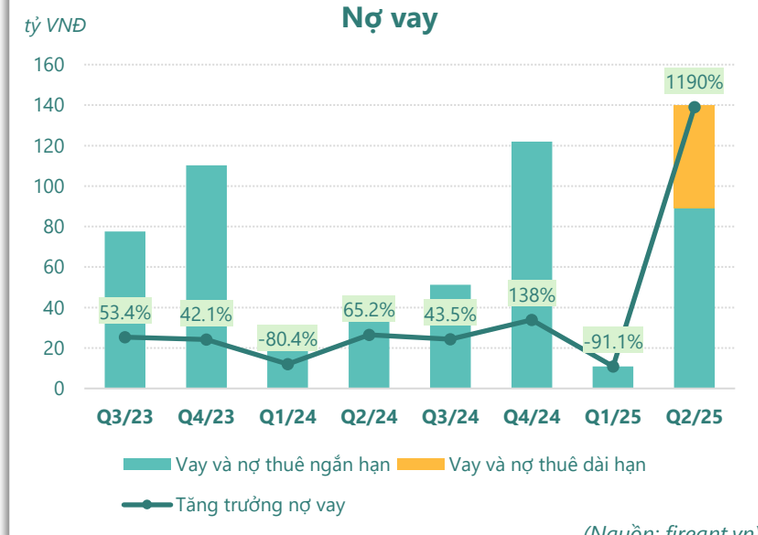
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

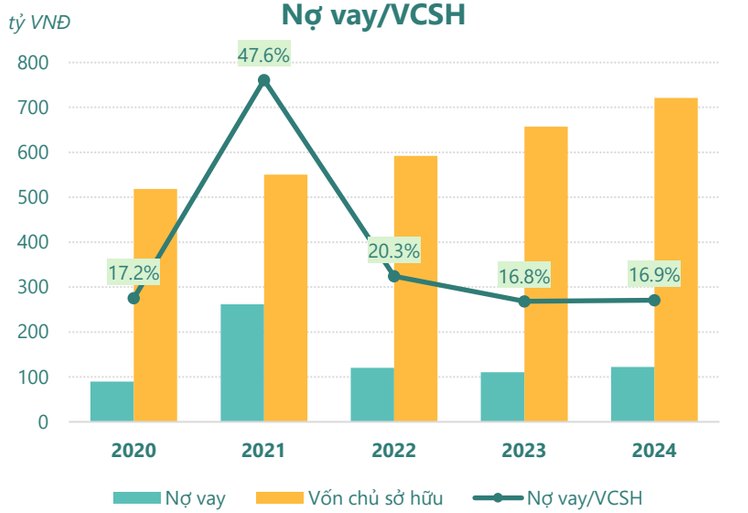
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

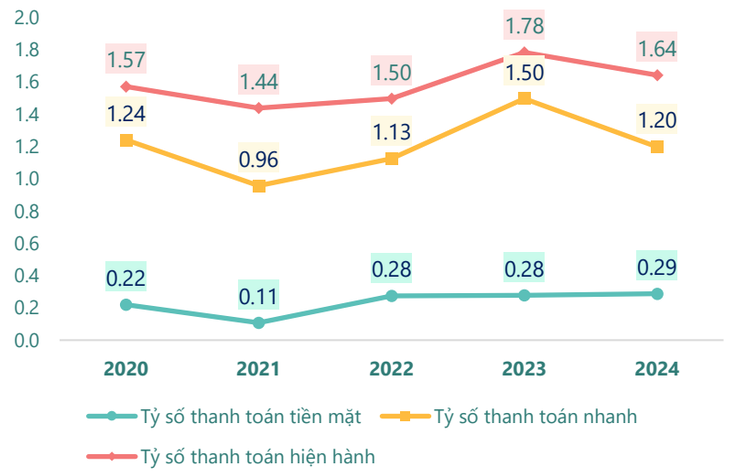
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



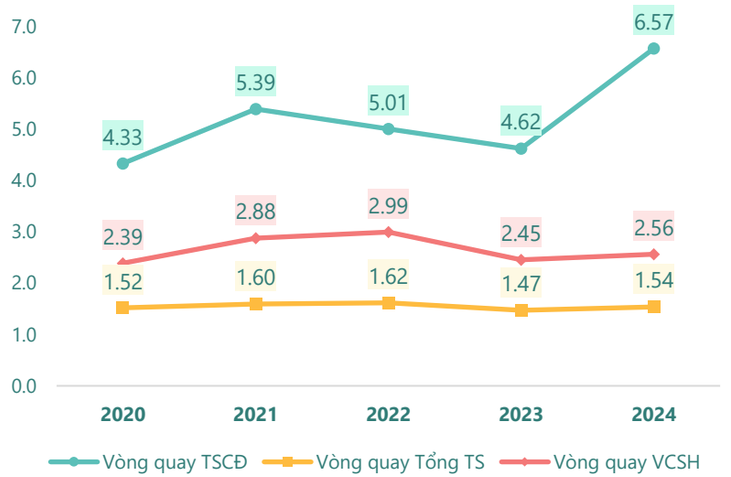
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



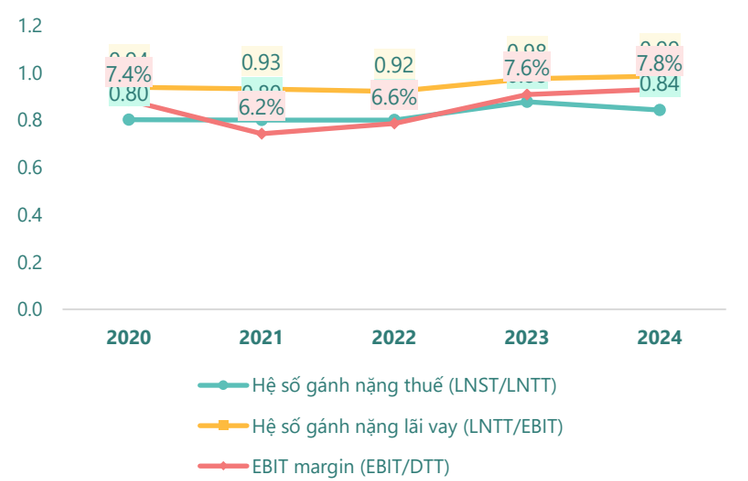
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



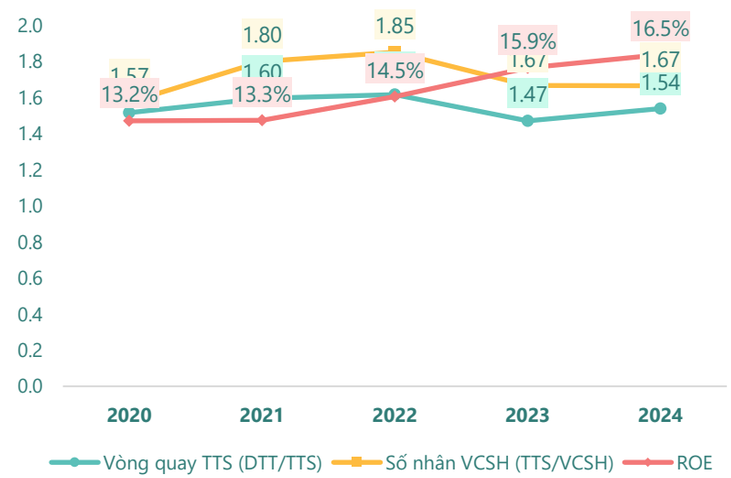
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



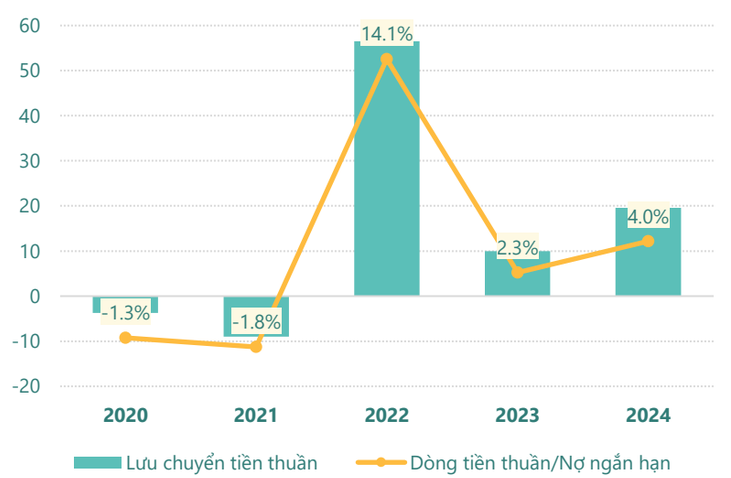
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**393**	**376**	**4.5%**	**766**	**748**	**2.4%**
Giá vốn hàng bán	312	306	2.0%	613	604	1.5%
Lợi nhuận gộp	80.7	70.4	14.6%	153	143	6.5%
Doanh thu HĐTC	0.06	1.98	-97.1%	0.66	2.91	-77.4%
Chi phí TC	0.28	0.45	-36.8%	0.60	0.87	-30.9%
Chi phí lãi vay	0.28	0.32	-13.8%	0.58	0.73	-20.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.95	10.3	-3.4%	21.1	23.6	-10.5%
Chi phí QLDN	**35.2**	**28.7**	**22.7%**	**65.2**	**59.0**	**10.5%**
LN thuần từ HĐKD	35.3	33.0	6.9%	66.6	63.0	5.8%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**0.12**	**-29.5%**	**0.18**	**0.33**	**-45.2%**
LN trước thuế	35.4	33.1	6.8%	66.8	63.3	5.6%
Lợi nhuận sau thuế	**30.6**	**26.5**	**15.6%**	**57.2**	**50.6**	**13.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**30.6**	**26.5**	**15.6%**	**57.2**	**50.6**	**13.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	118	17.5	-43.1	-146	65.9	-0.92
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-41.5	5.14	-8.60	152	-7.91	-23.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-88.6	-30.8	15.5	70.8	-111	130
Tiền đầu kỳ	120	108	99.5	63.2	139	86.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-12.2**	**-8.19**	**-36.2**	**76.2**	**-53.2**	**106**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	108	99.5	63.2	139	86.3	192

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,177**	**1,207**	**-2.5%**
Tài sản ngắn hạn	747	796	-6.1%
Tiền và tương đương tiền	192	139	37.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80.0	100	-20.0%
Phải thu ngắn hạn	295	339	-12.8%
Hàng tồn kho	178	215	-17.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.51	2.09	-27.6%
Tài sản dài hạn	**430**	**411**	**4.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	233	246	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	39.9	6.87	481%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**147**	**148**	**-1.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	403	486	-17.0%
Nợ ngắn hạn	**351**	**485**	**-27.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.1	122	-26.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	105	131	-19.5%
Nợ dài hạn	52.1	1.28	3970%
Vay và nợ thuê dài hạn	50.8	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**774**	**721**	**7.3%**
Vốn chủ sở hữu	**774**	**721**	**7.3%**
Vốn điều lệ	180	180	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)